

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN

Số: 26 /2024/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 30 tháng 7 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4903/TTr-STNMT ngày 19 tháng 7 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

### **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, đơn vị và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *PH*

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Mặt trận Tổ quốc và các Hội, đoàn thể;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Nghệ An, Đài PT&TH Nghệ An;
- TT công báo tỉnh; Công TTĐT tỉnh;
- Các Phòng: CN, NN;
- Lưu: VT, CN(N.A.Tuấn).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



\* Lê Hồng Vinh

## QUY ĐỊNH

Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Nghệ An  
(Kèm theo Quyết định số 26 /2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết việc phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan trong việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ gia đình, cá nhân sinh sống trên địa bàn tỉnh; cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh có phát sinh chất thải rắn từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng với tổng khối lượng dưới 300 kg/ngày lựa chọn hình thức quản lý chất thải rắn sinh hoạt như hộ gia đình, cá nhân. Các đối tượng này sau đây được gọi tắt là chủ nguồn thải.

2. Chủ đầu tư, chủ sở hữu, ban quản lý khu đô thị, nhà chung cư, nhà văn phòng trên địa bàn tỉnh.

3. Các cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

#### Điều 3. Nguyên tắc quản lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Thực hiện theo các nguyên tắc chung của pháp luật hiện hành về quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có trách nhiệm phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và chi trả giá dịch vụ cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt là trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có hoạt động phát sinh chất thải rắn sinh hoạt.

4. Hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải bảo đảm tần suất, thời gian theo đúng quy định.

5. Khuyến khích việc xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và xử lý chất thải.

## Chương II

### QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

#### **Điều 4. Phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt**

1. Phân loại chất thải rắn sinh hoạt:

a) Chất thải rắn sinh hoạt, theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường được phân loại theo các nhóm sau:

- Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế;
- Chất thải thực phẩm;
- Chất thải rắn sinh hoạt khác: Bao gồm chất thải rắn cống kênh, chất thải nguy hại và chất thải khác còn lại.

b) Việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại điểm a khoản này được triển khai theo hướng dẫn về kỹ thuật phân loại chất thải rắn sinh hoạt của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Bao bì chứa, đựng chất thải rắn sinh hoạt sau khi phân loại được quy định như sau:

a) Về màu sắc: Bao bì đựng chất thải tái chế, tái sử dụng có màu xanh nước biển; bao bì đựng chất thải thực phẩm có màu xanh lá cây; bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt khác có màu đen; bao bì đựng chất thải nguy hại có màu vàng (trong trường hợp thực hiện phân loại riêng chất thải nguy hại từ chất thải rắn sinh hoạt khác);

b) Quy cách, kiểu dáng, kích thước của bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt: Thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; về hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại.

3. Phương án chuyển giao đối với chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại:

a) Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải thực hiện thu gom tại nguồn thải đối với chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại theo quy định;

b) Chủ nguồn thải được lựa chọn phương án chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại như sau:

- Đối với chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: Chuyển giao tại nguồn thải cho cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc chuyển giao cho cá nhân, cơ sở thu gom chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế có chức năng theo quy định của pháp luật;

- Đối với chất thải rắn công kênh: Chuyển giao tại nguồn thải cho cơ sở thu gom, vận chuyển hoặc tổ chức vận chuyển tới trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt, khu xử lý chất thải rắn tập trung theo quy định.

c) Căn cứ vào tình hình thực tiễn của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc phân loại chất thải nguy hại trong chất thải rắn sinh hoạt và xây dựng phương án chuyển giao trực tiếp từ chủ nguồn thải cho cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại. Đối với các địa phương đã có trạm trung chuyển, khuyến khích chủ nguồn thải chuyển giao chất thải nguy hại cho cơ sở quản lý trạm trung chuyển.

4. Chủ nguồn thải thực hiện chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại cho cơ sở thu gom, vận chuyển, quản lý trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt, quản lý khu xử lý chất thải rắn tập trung đảm bảo về thời gian, địa điểm thu gom theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

5. Chủ đầu tư, chủ sở hữu, ban quản lý khu đô thị, nhà chung cư, nhà văn phòng, trong quá trình thiết kế, xây dựng và vận hành phải bố trí thiết bị, công trình đảm bảo lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sinh sống, làm việc tại khu đô thị, nhà chung cư, nhà văn phòng và chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

#### **Điều 5. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt**

1. Tần suất thu gom, thời gian và tuyến thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt:

Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và cộng đồng dân cư, đại diện khu dân cư quy định thời gian, địa điểm, tần suất, tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn và công bố rộng rãi, đồng thời đảm bảo theo các quy định sau:

a) Tần suất thu gom: Thực hiện thu gom hằng ngày đối với các phường thuộc nội thành phố, thị xã; tối thiểu 03 lần/tuần đối với khu vực thành phố và thị xã, 02 lần/tuần đối với khu vực thị trấn và 03 lần/tháng đối với khu vực nông thôn. Trừ các trường hợp sau:

- Đối với chất thải rắn công kênh: Thực hiện thu gom theo nhu cầu và sự thống nhất của chủ nguồn thải với cơ sở thu gom, vận chuyển; theo thời gian làm việc của trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt, khu xử lý chất thải rắn tập trung;

- Đối với chất thải nguy hại: Trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thu gom riêng chất thải nguy hại thì tần suất thực hiện thu gom tối thiểu 01 lần/năm.

b) Thời gian, tuyến thu gom, vận chuyển: Theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, cộng đồng dân cư, tổ chức chính trị - xã hội để xác định và thực hiện.

2. Yêu cầu đối với phương tiện, thiết bị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt:

a) Phương tiện, thiết bị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường quy định tại Điều 27 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và các quy định của pháp luật khác liên quan;

b) Phương tiện, thiết bị thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường quy định tại Điều 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và các quy định của pháp luật khác liên quan.

3. Yêu cầu đối với điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt:

a) Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

b) Trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 2 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

c) Điểm tập kết, trạm trung chuyển không đáp ứng các quy định tương ứng tại điểm a, điểm b khoản này phải được xử lý ô nhiễm, cải tạo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

## **Điều 6. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

1. Các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt đang hoạt động:

a) Phải tuân thủ theo Quyết định và nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cấp phép hoặc đăng ký môi trường và quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Khuyến khích chuyển đổi sang công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tiên tiến, hiện đại;

c) Đối với bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt không hợp vệ sinh phải được xử lý ô nhiễm, cải tạo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 80 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Việc đầu tư mới khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung ngoài việc tuân thủ các quy định pháp luật về đầu tư, về đất đai, về xây dựng... thì phải đáp ứng các tiêu chí về công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 28 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

**Điều 7. Trách nhiệm của chủ nguồn thải**

1. Thực hiện phân loại, lưu giữ và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt và phải chi trả kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, quy định pháp luật khác có liên quan và theo thỏa thuận do phát sinh dịch vụ khác (nếu có).

2. Giữ gìn vệ sinh môi trường, mỹ quan tại nơi ở, văn phòng và nơi công cộng; không vứt, thải, đổ, bỏ chất thải rắn sinh hoạt không đúng nơi quy định như trên vỉa hè, lòng đường, hệ thống thoát nước mặt, nước thải, sông suối, kênh rạch, nơi công cộng...

3. Giám sát và phản ánh các vấn đề liên quan đến chất lượng cung ứng các dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; các vi phạm về công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

**Điều 8. Trách nhiệm của cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt**

1. Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Thực hiện đầy đủ các nội dung theo văn bản lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của Ủy ban nhân dân các cấp.

3. Đảm bảo đầy đủ các yêu cầu về nhân lực và thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy định này.

4. Thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã, cộng đồng dân cư, tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở để xác định thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường và thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo đúng tuyến đường, thời gian quy định của Ủy ban nhân dân các cấp.

5. Quản lý, vận hành các điểm tập kết, trạm trung chuyển theo đúng quy trình kỹ thuật do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành và quy định pháp luật khác có liên quan.

6. Chỉ ký hợp đồng để chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt với chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

7. Xây dựng phương án giá dịch vụ áp dụng đối với cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt do đơn vị quản lý gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện cho ý kiến; hoàn thiện phương án giá gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định, trình phê duyệt theo quy định.

8. Phát hiện các trường hợp vi phạm quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, kịp thời báo cáo chính quyền địa phương và các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

9. Định kỳ lập và gửi Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của cơ sở theo quy định tại Điều 119 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

**Điều 9. Trách nhiệm của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

1. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm và các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 78, khoản 2 Điều 80 Luật Bảo vệ môi trường, khoản 2 Điều 59, khoản 1 Điều 62 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Điều 32 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Thực hiện đầy đủ các nội dung theo văn bản lựa chọn cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt của Ủy ban nhân dân các cấp.

3. Thành phần, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt tiếp nhận, xử lý phải phù hợp với công nghệ, công suất xử lý đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động đảm bảo tiếp nhận và xử lý khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phải tiếp nhận theo các hợp đồng đã ký kết; trong đó phải có biện pháp để ứng phó và phòng ngừa sự cố hoặc khi ngừng hoạt động để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp dịch vụ. Trong quá trình quản lý, vận hành:

a) Trường hợp xảy ra sự cố, phải thông báo ngay tới Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan về kế hoạch để thực hiện;

b) Trường hợp ngừng hoạt động để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp dịch vụ thì cơ sở phải thông báo bằng văn bản đến Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam (trường hợp cơ sở nằm trong Khu kinh tế), Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc địa bàn phục vụ trước 30 (ba mươi) ngày, trong đó nêu rõ lý do, thời gian tạm ngừng dịch vụ, đồng thời phải có phương án xử lý chất thải rắn sinh hoạt trong thời gian tạm ngừng và chỉ được ngừng dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt khi có văn bản chấp thuận của Sở Tài nguyên và Môi trường.

5. Xây dựng phương án giá dịch vụ áp dụng đối với cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện cho ý kiến; hoàn thiện phương án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thẩm định, trình phê duyệt theo quy định.

6. Định kỳ lập và gửi Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của cơ sở theo quy định tại Điều 119 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

**Điều 10. Trách nhiệm của cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại**

1. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 85 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71, Điều 72, Điều 73 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Thực hiện đầy đủ các nội dung theo văn bản lựa chọn cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại của Ủy ban nhân dân các cấp.

3. Đảm bảo bao bì, thiết bị lưu chứa, khu vực lưu giữ và thiết bị, phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại đáp ứng theo quy định tại Điều 36, Điều 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Định kỳ lập và gửi Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của cơ sở theo quy định tại Điều 119 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

**Điều 11. Kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm hành chính trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt**

1. Ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ quyền hạn tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

2. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định pháp luật khác có liên quan.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 12. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý về chất thải rắn sinh hoạt và chỉ đạo tổ chức tuyên truyền, vận động, giáo dục pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đối với giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành



quy định về hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại;

d) Chủ trì, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhu cầu sử dụng đất để đầu tư phát triển điểm tập kết, trạm trung chuyển, khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định;

đ) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam (đối với các cơ sở nằm trong địa bàn Khu kinh tế), Ủy ban nhân dân cấp huyện thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt và các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định;

e) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn việc cải tạo môi trường bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt và quy trình đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt sau khi ngừng hoạt động;

g) Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư đối với nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc ngành nghề thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

h) Tiếp nhận và kịp thời có hướng dẫn cho chủ cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt khi nhận được thông báo về kế hoạch ngừng dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp dịch vụ;

i) Báo cáo kết quả công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt hàng năm được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 118 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 3 Điều 63 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

## 2. Sở Xây dựng:

a) Khi hướng dẫn, cho ý kiến, thẩm định các đề án quy hoạch xây dựng (quy hoạch chung đô thị, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch phân khu chức năng, quy hoạch phân khu đô thị...) phải quy hoạch, bố trí các điểm tập kết, trạm trung chuyển theo quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

b) Hướng dẫn, thẩm định thiết kế xây dựng công trình thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt tại các khu đô thị, nhà chung cư, nhà văn phòng theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Quy định này và quy định pháp luật khác có liên quan;

c) Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư đối với nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc ngành nghề thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

### 3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Căn cứ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn cho các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định, trình phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án đầu tư thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở ngoài khu kinh tế và các khu công nghiệp theo quy định;

c) Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư đối với nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc ngành nghề thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

### 4. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế, Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư đối với nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc ngành nghề thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại.

### 5. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định về công nghệ đối với các dự án đầu tư xử lý chất thải rắn sinh hoạt khi nhận được đề nghị của các cơ quan quản lý về đầu tư; tham mưu lựa chọn các dự án có công nghệ hiện đại, quy mô lớn, có kết hợp thu hồi năng lượng từ chất thải, hạn chế đầu tư các dự án xử lý công nghệ chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trực tiếp;

b) Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư đối với nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc ngành nghề thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

### 6. Sở Giao thông vận tải:

Cung cấp thông tin về thời gian, khu vực các đoạn, tuyến giao thông, các nút giao thông có mật độ cao, thường xuyên xảy ra tắc nghẽn giao thông cần hạn chế xe vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt lưu thông cho Ủy ban nhân dân cấp huyện;

thông báo kế hoạch cấm đường trước 5 (năm) ngày áp dụng đối với các tuyến đường được giao quản lý trên hệ thống thông tin đại chúng.

#### 7. Sở Giáo dục và Đào tạo:

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tổ chức tuyên truyền, giáo dục học sinh ý thức thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường tại nhà, trường học và nơi công cộng.

#### 8. Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam:

a) Kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng hạ tầng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh theo quy định;

b) Tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của các chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong các khu công nghiệp, khu kinh tế;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định, trình phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án đầu tư thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở trong các khu công nghiệp, khu kinh tế theo quy định; ưu tiên thu hút các dự án đầu tư có công nghệ hiện đại, quy mô lớn, có kết hợp thu hồi năng lượng từ chất thải, hạn chế đầu tư các dự án xử lý công nghệ chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trực tiếp;

d) Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư đối với nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc ngành nghề thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Khu kinh tế;

đ) Báo cáo kết quả hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Khu kinh tế tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 118 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 3 Điều 63 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

#### 9. Công an tỉnh:

Thực hiện công tác phòng, chống, đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; kịp thời ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật.

#### 10. Cục Thuế tỉnh:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại;

c) Hướng dẫn các địa phương, cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với khoản tiền thu từ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

d) Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư đối với nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc ngành nghề thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

#### 11. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí, hệ thống thông tin cơ sở đa dạng các hoạt động, nội dung, hình thức tuyên truyền về quản lý chất thải rắn sinh hoạt đến các phương tiện thông tin đại chúng;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các hoạt động, sản phẩm tuyên truyền về phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; nâng cao nhận thức của cộng đồng về tác hại của chất thải rắn sinh hoạt.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; tổ chức triển khai, hướng dẫn và tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện Quy định này và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Chủ trì tổ chức xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; có phương án ứng phó khi các cơ sở dịch vụ ngừng tiếp nhận hoặc tiếp nhận, xử lý không hết khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn. Phối hợp, giám sát việc thực hiện kế hoạch ứng phó, khắc phục sự cố của các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt và kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời gian không quá 24 giờ kể từ khi xảy ra sự cố.

3. Cho ý kiến bằng văn bản về phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của các cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương để các cơ sở hoàn thiện gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình ban hành theo quy định.

4. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại.

5. Thực hiện rà soát, cập nhật, bổ sung vào các đồ án quy hoạch xây dựng (quy hoạch chung đô thị, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch phân khu chức năng, quy hoạch phân khu đô thị, ...), quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để quy hoạch, bố trí các điểm tập kết, trạm trung chuyển theo quy định

tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và quy định pháp luật khác có liên quan; lấy ý kiến Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các công việc thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện trước khi tổ chức thực hiện.

6. Hàng năm, rà soát các điểm tập kết, trạm trung chuyển, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường để xử lý ô nhiễm, cải tạo theo đúng quy định.

7. Bố trí kinh phí, nguồn lực đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống hạ tầng thu gom, tập kết, trung chuyển, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; ưu tiên thu hút các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước. Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện việc khuyến khích phân loại, thu gom chất thải nguy hại từ chất thải rắn sinh hoạt khác của các chủ nguồn thải phù hợp với tình hình của địa phương.

8. Tổ chức thực hiện lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật.

9. Chủ trì, phối hợp với cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để xác định vị trí, thời gian tập kết, thời gian hoạt động và quy mô tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt tại điểm tập kết, trạm trung chuyển. Tổ chức công khai, công bố hợp đồng, danh sách các cơ sở được thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

10. Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy định này trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền hoặc chuyển người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

11. Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư đối với nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc ngành nghề thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

12. Thông báo kế hoạch cấm đường trước 5 (năm) ngày áp dụng đối với các tuyến đường được giao quản lý trên hệ thống thông tin đại chúng.

13. Báo cáo kết quả công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt hàng năm được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 118 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 3 Điều 63 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

#### **Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Hướng dẫn, kiểm tra, xử lý các hoạt động về quản lý chất thải rắn sinh hoạt; xem xét giải quyết các kiến nghị, phản ánh của các tổ chức, cá nhân có liên quan về thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; xác định thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn theo quy định tại khoản 7 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường và các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã tại Quy định này.

2. Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án hoặc nội dung thực hiện hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn theo quy định tại khoản 3 Điều 63 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã tại Quy định này.

**Điều 15. Điều khoản thi hành**

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.